CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Sông Đà 7.02

Ngày 31/03/2025	6,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-1.4%**	**35.3%**

DT thuần
Q1/25
3.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10| -37.0%
YoY: ▼1.97| -35.5%

LN thuần
Q1/25
-2.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.97| -58.7%
YoY: ▼1.18| -81.8%

LN sau thuế
Q1/25
-2.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.97| -58.9%
YoY: ▼1.17| -80.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-36.2%
YoY: +/-▼ 33.8%

ROE (TTM)
Q1/25
4.1%
YoY: +/-▼ 0.9%

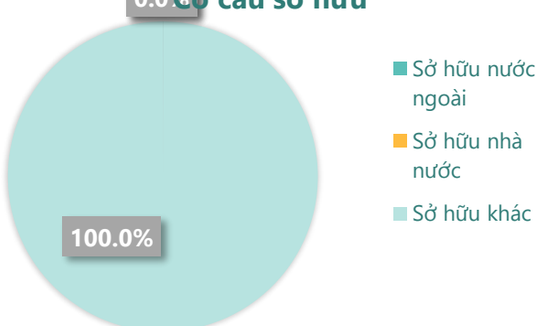
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	280
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.45
EPS	392
P/E	17.6

DT thuần
2024
36.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.90| 15.5%

LN thuần
2024
5.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.68| 2652%

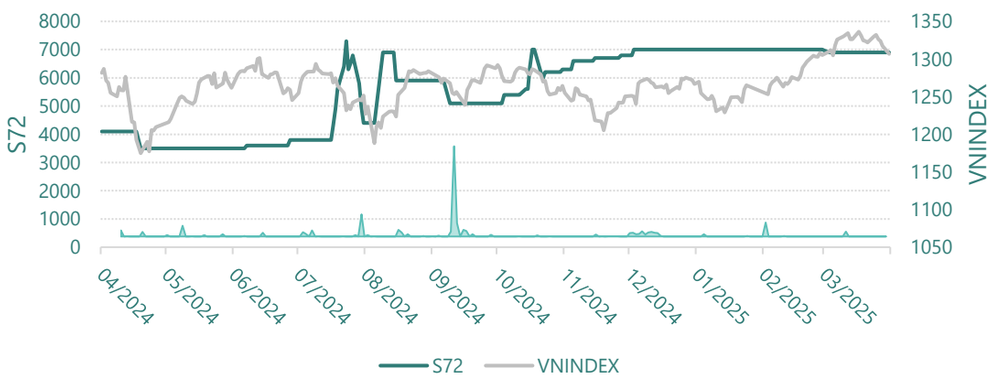
LN sau thuế
2024
5.88
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.65| 2503%

Cơ cấu sở hữu

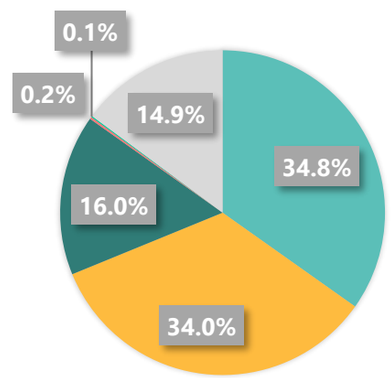


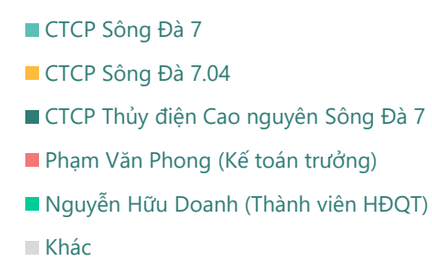
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

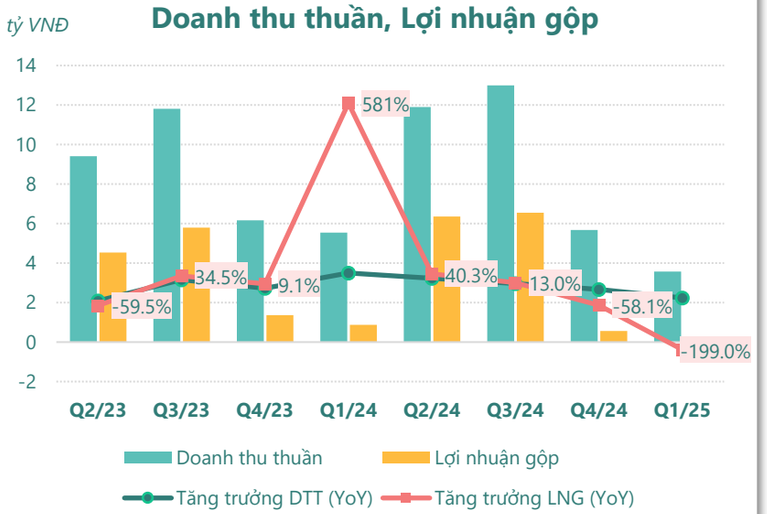




(Nguồn: fireant.vn)

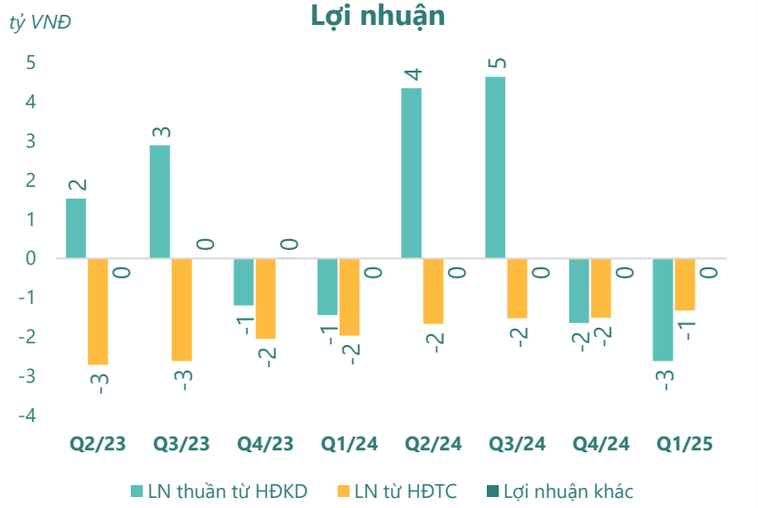
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



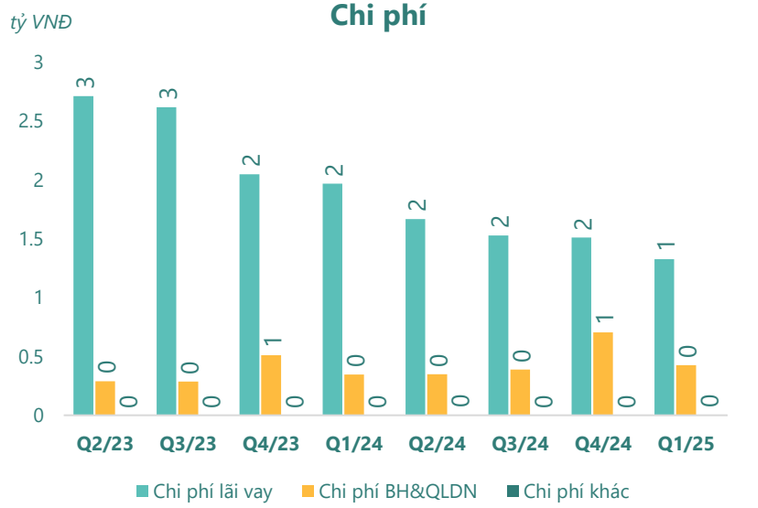
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



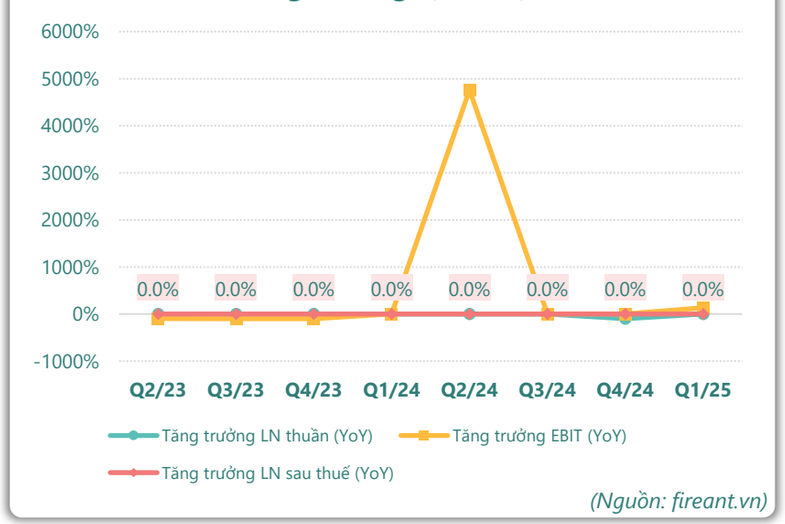
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



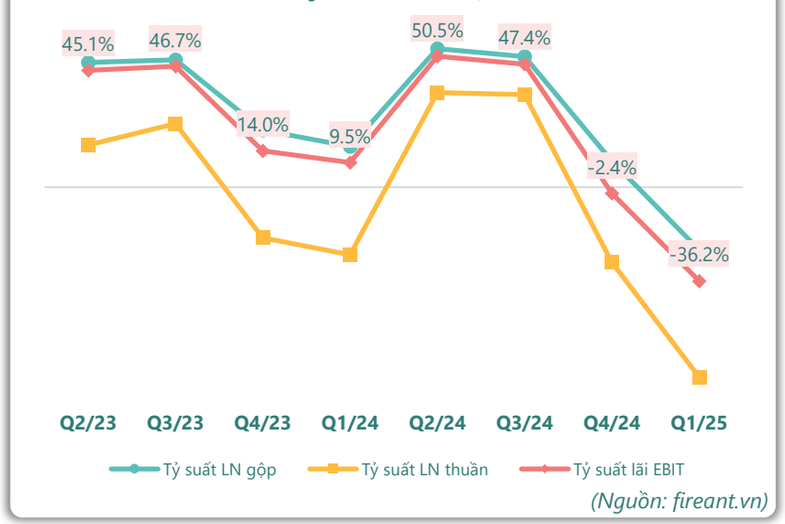
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



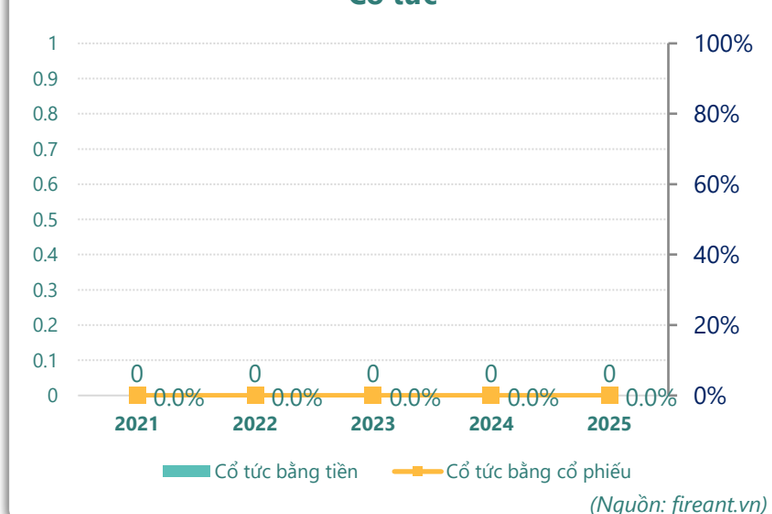
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

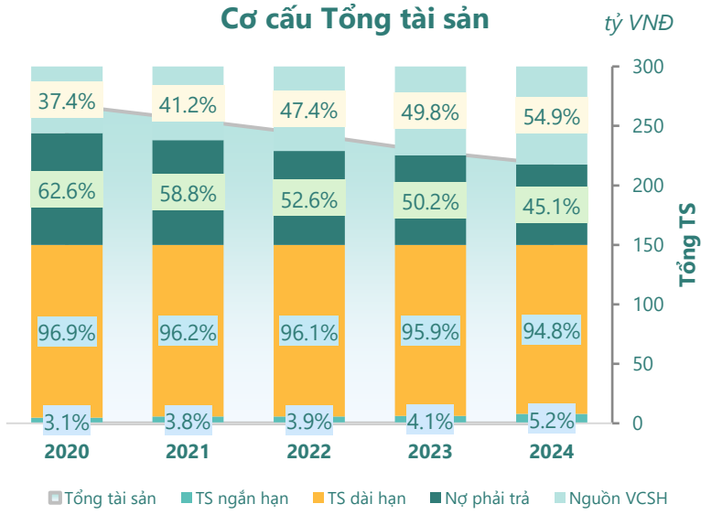
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

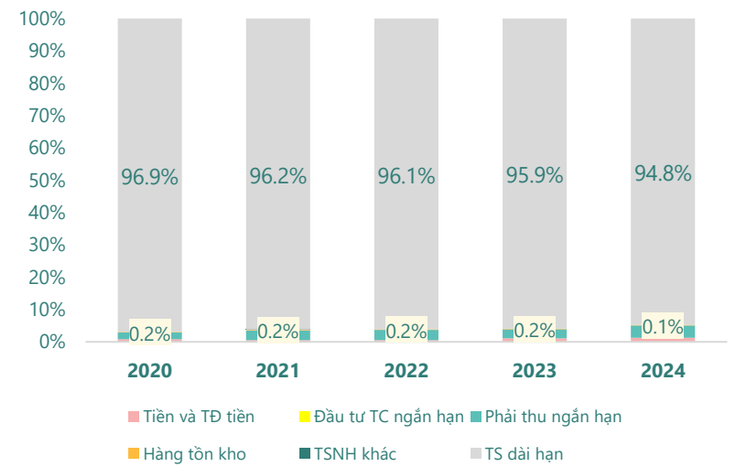
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



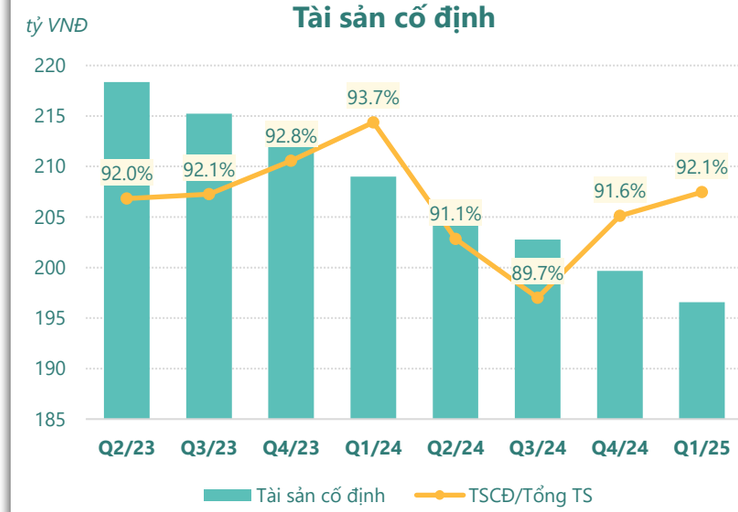
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



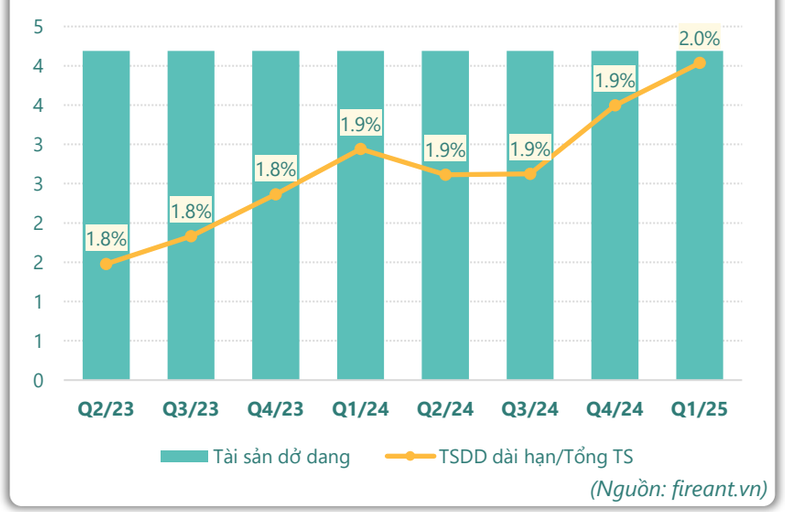
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



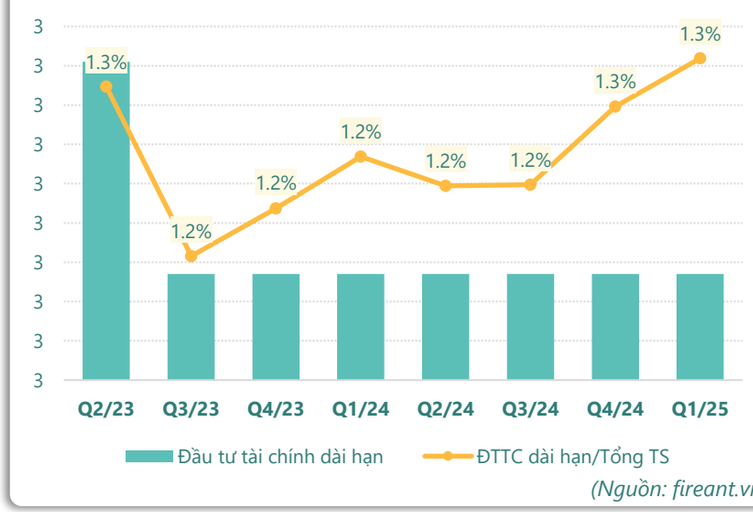
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



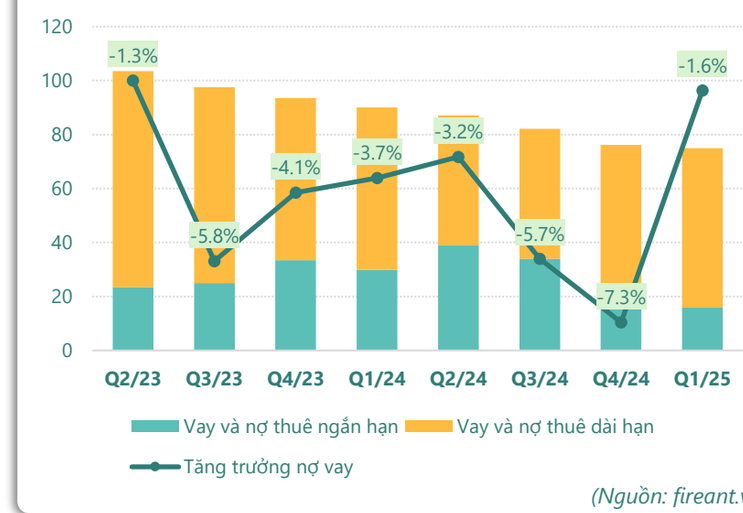
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

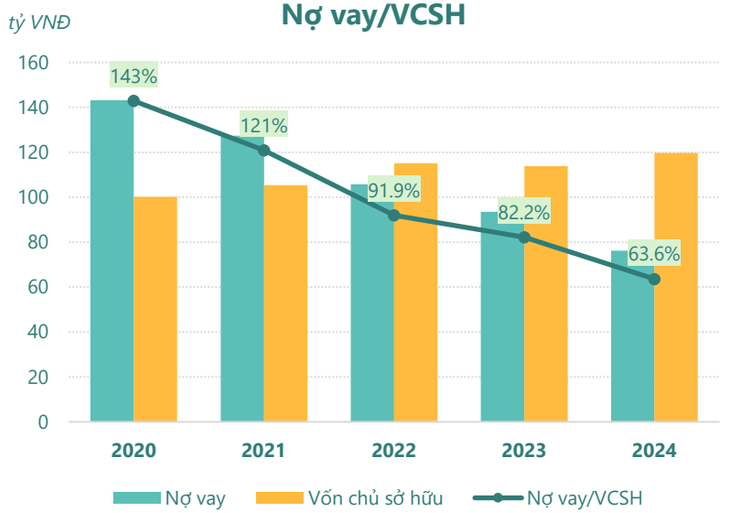
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

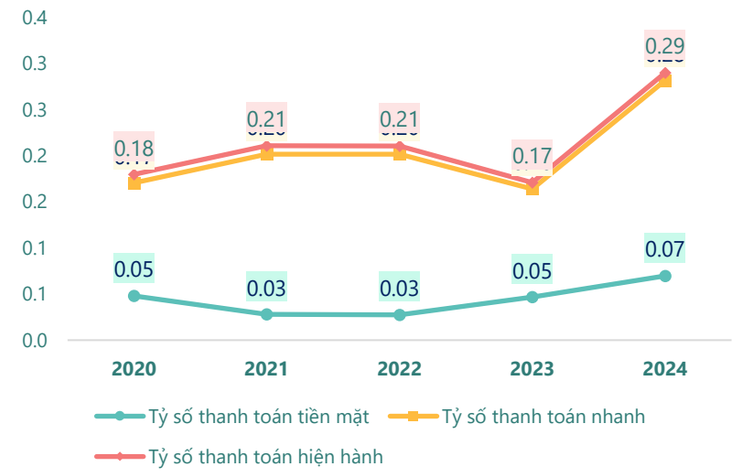
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



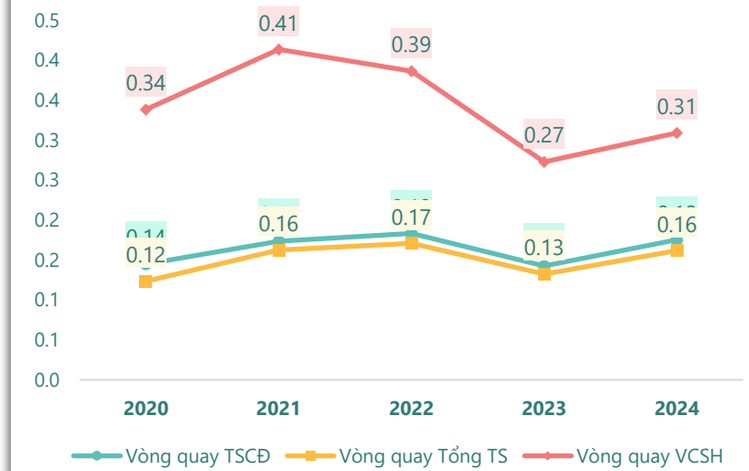
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



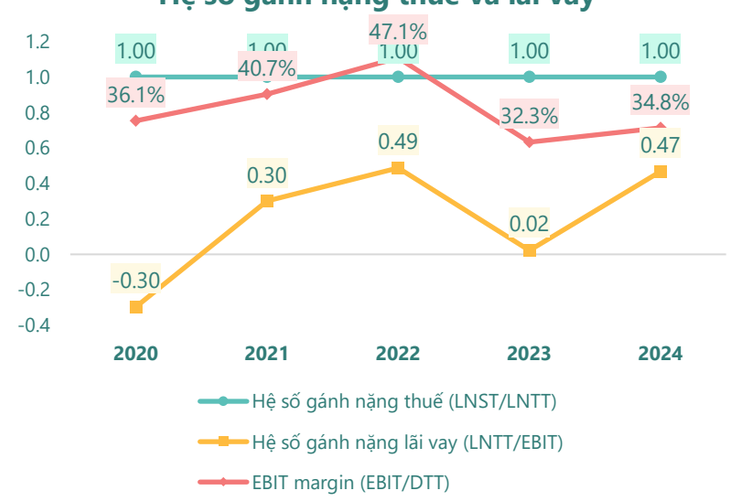
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



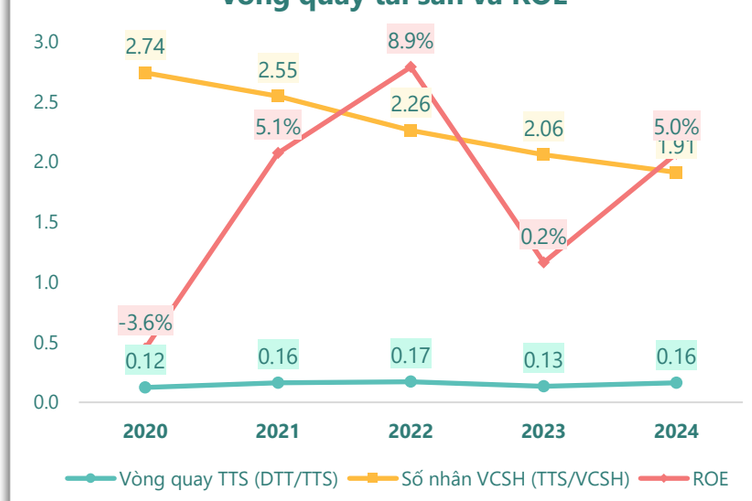
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



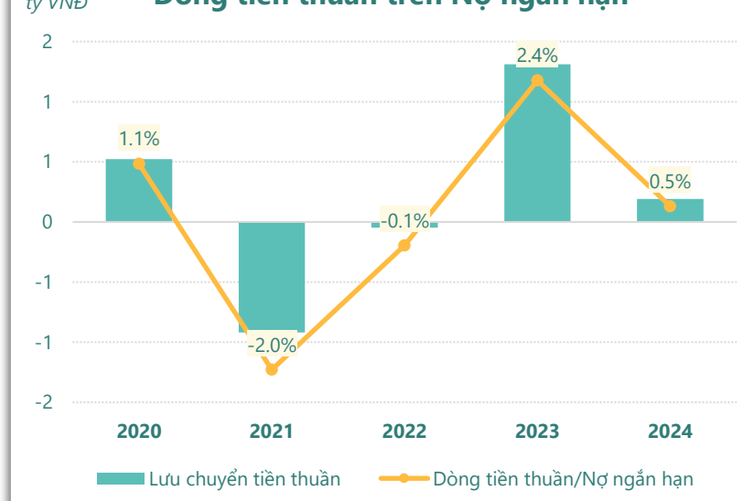
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.57**	**5.54**	**-35.5%**	**36.1**	**31.2**	**15.5%**
Giá vốn hàng bán	4.44	4.67	-5.0%	21.7	19.7	10.2%
Lợi nhuận gộp	-0.86	0.87	-199%	14.3	11.5	24.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	88.9%
Chi phí TC	1.33	1.97	-32.6%	6.68	9.86	-32.2%
Chi phí lãi vay	1.33	1.97	-32.6%	6.68	9.86	-32.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.43**	**0.35**	**21.8%**	**1.79**	**1.44**	**24.5%**
LN thuần từ HĐKD	-2.62	-1.44	-81.8%	5.89	0.21	2652%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.01**	**0.01**	**-155%**
LN trước thuế	-2.62	-1.45	-80.8%	5.88	0.23	2503%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.62**	**-1.45**	**-80.8%**	**5.88**	**0.23**	**2503%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.62**	**-1.45**	**-80.8%**	**5.88**	**0.23**	**2503%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.64	2.07	2.81	11.0	1.69	0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.00	-3.50	-2.90	-5.00	-6.00	-1.20
Tiền đầu kỳ	2.90	2.54	1.12	1.03	7.05	2.74
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.36**	**-1.43**	**-0.09**	**6.02**	**-4.31**	**-1.05**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.54	1.12	1.03	7.05	2.74	1.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**213**	**218**	**-2.1%**
Tài sản ngắn hạn	9.85	11.4	-13.4%
Tiền và tương đương tiền	1.68	2.74	-38.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.76	8.32	-6.7%
Hàng tồn kho	0.33	0.33	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0	
Tài sản dài hạn	**203**	**207**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	197	200	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.19	4.19	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.74	2.74	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.00**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	96.3	98.3	-2.1%
Nợ ngắn hạn	**37.2**	**39.3**	**-5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.9	17.1	-7.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.89	5.93	-0.8%
Nợ dài hạn	59.0	59.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	59.0	59.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**117**	**120**	**-2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**117**	**120**	**-2.2%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)